

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HNGĐ –ST.

Ngày 02/02/2018.

V/v: “Kiện xin ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chương và bà Đoàn Thị Huệ.

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Nhung – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thuý Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2017/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017, về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Anh Văn Minh K, sinh năm 1983.**

Địa chỉ: số nhà 10, tổ 11, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1994.**

Nơi ĐKNKTT: tổ 11, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại đội 8, phân trại I, Trại giam T thuộc thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên tòa hôm nay anh K có mặt, chị T vắng mặt (có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Anh Văn Minh K và chị Lê Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 25/02/2013 tại UBND phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu khoảng 03 tháng và việc kết hôn của vợ chồng anh chị cũng được hai bên gia đình cho tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Tuy nhiên, vợ chồng anh chị chỉ chung sống hoà thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về cách sống, quan điểm sống và lối sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng

mâu thuẫn của vợ chồng anh chị còn trầm trọng hơn. Vì vậy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 7 năm 2015 đến nay và hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Trong thời gian ly thân thì chị Lê Thị T đã vi phạm pháp luật và bị xử phạt 03 năm tù nên đang chấp hành tại đội 8, phân trại I, trại giam T. Đến nay, anh Văn Minh K xác định tình cảm vợ chồng anh dành cho nhau không còn nữa nên anh xin ly hôn với chị T. Chị T cũng hoàn toàn nhất trí và thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Văn Ngọc D (con gái), sinh ngày 08/4/2013. Hiện nay, cháu Văn Ngọc D đang ở với anh K và bà nội (mẹ anh K). Khi ly hôn anh K xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Chị Lê Thị T cũng nhất trí trước mặt con chung cho anh K nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh K vì hiện nay chị đang đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam nên không có điều kiện nuôi dưỡng con chung được. Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có.

- Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

- Anh Văn Minh K vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án. Về hôn nhân: Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị T. Về con chung: Anh xin được nuôi con chung Văn Ngọc D và anh không đề nghị chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn các vấn đề khác anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị Lê Thị T đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt trình bày rõ quan điểm của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Căn cứ điều 28, 35, 39, 144, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh K với chị T. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh K với chị T.

2/ Về con chung: Giao con chung cho anh K nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K.

3/ Về tài sản chung và công nợ chung: Anh K và chị T thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh K và chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị T là bị đơn trong vụ kiện đã có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Do đó việc xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa anh Văn Minh K và chị Lê Thị T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/02/2013 tại UBND phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Văn Minh K và quan điểm của chị Lê Thị T, HĐXX thấy rằng: vợ chồng anh chị đã có thời gian hơn 01 năm chung sống hoà thuận và có một con chung, sau đó mới phát sinh mâu thuẫn do tính tình không còn phù hợp về quan điểm sống và lối sống nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2015. Đến nay, cả anh K và chị T đều công nhận tình cảm vợ chồng không còn dành cho nhau nữa nên anh K xin ly hôn thì chị T cũng đồng ý ly hôn. Điều đó, càng khẳng định hai bên đều không muốn níu kéo mối quan hệ hôn nhân cùng nhau nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh K và chị T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung là Văn Ngọc D (con gái), sinh ngày 08/4/2013. Hiện nay, cháu Văn Ngọc D đang ở với anh K và mẹ anh K. Nay anh K và chị T cùng thống nhất giao anh K trực tiếp nuôi con chung và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn phù hợp với thực tế và pháp luật. Do đó, HĐXX chấp nhận việc giao con chung của vợ chồng cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Anh K và chị T, thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu theo định của pháp luật. Tuy nhiên tại phiên toà, anh K tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn, nộp cả phần của chị T.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ điều 54; 55; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa: Anh Văn Minh K và chị Lê Thị T.

[2] Về con chung: Giao anh Văn Minh K được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Văn Ngọc D (con gái), sinh ngày 08/4/2013. Chị Lê Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh K.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc, thăm nom con chung.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Văn Minh K và chị Lê Thị T không có, không đề nghị giải quyết.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Văn Minh K và chị Lê Thị T mỗi người phải nộp toàn bộ án phí ly hôn là 150.000đ. Chấp nhận sự tự nguyện của anh K nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, anh K được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0000809 ngày 01 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý – tỉnh Hà Nam, anh Khôi đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, anh K có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Thuý vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Duy